TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:10/2018/HS-ST
Ngày: 14/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiển.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thanh Nhàn; ông Vũ Đình Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Thắng - Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Cấp - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06/2018/HSST ngày 12/02/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXSTHS ngày 28/02/2018 đối với các bị cáo:

1. Tô Văn T - Sinh năm: 1987.

Nơi ĐKNKTT: Đội F, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Tô Văn C, sinh năm 1949 và bà Vũ Thị D, sinh năm 1952, đều trú tại đội F, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Chưa có vợ, con; Gia đình có 5 anh, chị em: Bị cáo là thứ năm; Tiền án, tiền sự: Không.

BPNC: Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2017 đến 25/12/2017, sau đó áp dụng BPNC "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

2. Lữ Văn L - Sinh năm: 1984.

Nơi ĐKNKTT: Đội B, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Lữ Văn N, sinh năm 1961(đã chết) và bà Phạm Thị C1, sinh năm 1961, trú tại đội B, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Chưa có vợ, con; Gia đình có 3 anh, chị em: bị cáo là thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

BPNC: Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2017 đến 25/12/2017, sau đó áp dụng BPNC "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

3. Tô Văn M - Sinh năm: 1982.

Nơi ĐKNKTT: Đội C, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Tô Văn M, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Lê Thị L1, sinh năm 1956, trú tại đội F, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Vợ : Hoàng Thị B, sinh năm 1984; Có 3 con: lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015; Gia đình có 4 anh,chị em: bị cáo là thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không.

BPNC: Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2017 đến 25/12/2017, sau đó áp dụng BPNC "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

4. Lê Văn H - Sinh năm: 1979.

Nơi ĐKNKTT: Đội E, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Lê Quang B2, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1949, đều trú tại đội F, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Vợ Nguyễn Thị T2, sinh năm 1980; Có 2 con: lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2010; Gia đình có 4 anh, chị em: Bị cáo là thứ tư; Tiền án, tiền sự: Không.

BPNC: Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2017 đến 23/01/2018, sau đó áp dụng BPNC cho " Bảo lĩnh".

5. Lê Văn L2 - Sinh năm: 1989.

Nơi ĐKNKTT: Đội F, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Lê Văn T3 (đã chết) và bà Đinh Thị M3, sinh năm 1969, trú tại đội F, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Vợ : Đinh Thị H1, sinh năm 1992; Có 2 con : lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; Gia đình có 2 anh em: bị cáo là thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

BPNC: Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 20/12/2017 đến 23/01/2018, sau đó áp dụng BPNC cho " Bảo lĩnh".

6. Vũ Văn D1 - Sinh năm: 1987.

Nơi ĐKNKTT: Đội G, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông: Vũ Văn T4 (đã chết) và bà Tô Thị L4, sinh năm 1966, trú tại đội F, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Vợ: Nhân Thị Liên, sinh năm 1989; Gia đình có 3 anh em: bị cáo là thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không

BPNC: Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 20/12/2017, sau đó áp dụng BPNC " Cấm đi khỏi nơi cư trú".

7. Bùi Thị T5 - Sinh năm: 1986.

Nơi ĐKNKTT: Đội B, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Bùi Trung C3, sinh năm 1959 và bà Đỗ Thị N1, sinh năm 1963, đều trú tại đội B, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Chồng: Tô Văn T5, sinh năm 1981; Có 3 con: lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2014; Gia đình có 5 anh, chị em: bị cáo là thứ nhất; Tiền án, tiền sự: Không.

BPNC: Bị cáo bị áp dụng BPNC " Cấm đi khỏi nơi cư trú".

8. Nguyễn Trung M5 - Sinh năm: 1986.

Nơi ĐKNKTT: Đội F, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Trung T6, sinh năm 1963 và bà Đinh Thị

T7, sinh năm 1961, đều trú tại đội F, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Chưa có vợ, con; Gia đình có 4 anh, chị em: bị cáo là thứ ba; Tiền án, tiền sự: Không

BPNC: Bị cáo bị áp dụng BPNC " Cấm đi khỏi nơi cư trú".

Tại phiên tòa có mặt các bị cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21^h00' ngày 19/12/2017, Lê Văn H, sinh năm 1979 cùng Vũ Văn D1, sinh năm 1987, Tô Văn T, sinh năm 1987, Tô Văn M, sinh năm 1982, Lữ Văn L, sinh năm 1988, Lê Văn L2, sinh năm 1989, Nguyễn Trung M5, sinh năm 1988 đều trú tại xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định cùng một số người khác đến quán Karaoke treo biển TT, do Bùi Thị T5, sinh năm 1986 trú tại đội B xã Y, huyện Y làm chủ, để hát karaoke. Sau khi hát xong, đến khoảng 22^h30' cùng ngày thì Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Lê Văn L2 rủ nhau đánh bạc và nói với T5 cho mượn gian phòng bếp phía sau quán để đánh bạc, T5 đồng ý. L, H, L2, D1, T, M xuống gian bếp mở cửa, bật điện, chải chiếu còn Nguyễn Trung M5 đi mua 02 bộ bài về, rồi cùng nhau ngồi xuống đánh bạc dưới hình thức đánh Liêng được thua bằng tiền. Các đối tượng dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân để chơi và thống nhất từ to tới nhỏ theo thứ tự các chất Cơ-rô-tép-bích, Sáp *(3 cây bài giống nhau),* Liêng *(3 cây bài liên tiếp).*Khi bắt đầu chơi, mỗi người chơi bỏ vào trầu giữa chiếu *(gọi là gà),* thấp nhất số tiền 10.000đ *(Mười ngàn đồng), n*gười làm chương (tức cầm cái) chia đều cho mỗi người 3 quân bài, rồi lên bài, nếu ai có nước to thì tố thêm *(đặt thêm tiền)* cao nhất là 100.000đ *(Một trăm ngàn đồng),* sau đó cộng điểm bài, ai cao điểm nhất sẽ được tiền trầu gà, tiền tố thêm của những người chơi còn lại và được chia ván tiếp theo. Quá trình chơi các đối tượng đó đưa cho T5 số tiền 65.000đ *(Sáu mươi lăm ngàn đồng)* gọi là tiền điện, nước, thuốc lá…

Khi các đối tượng trên đang đánh bạc tại nhà T5, đến khoảng 00^h5' ngày 20/12/2017 thì bị lực lượng Công an huyện Y phối hợp với BCA xã Y bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm :

- Thu tại chiếu bạc nơi H, D1, T, M, L2, L đang đánh bạc dưới hình thức đánh liêng gồm 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và số tiền **4.990.000đ** *(Bốn triệu chín trăm chín mươi ngàn đồng).*

-Kiểm tra, thu giữ trên người các đối tượng :

+ Vũ Văn D1 : 01 ĐTDĐ Samsung J7 Prime, số hiệu máy SM.G610F/DS và số tiền 2.000.000đ *(Hai triệu đồng chẵn).*

+ Lê Văn L2 : số tiền 4.100.000đ (Bốn triệu một trăm ngàn đồng).

+ Tô Văn T : 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 5 màu trắng, số IMEL 990002840188625.

+ Lê Văn Lượng : 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 5s màu vàng, só IMEL 352027060273726.

+Lê Văn H : 01 ĐTDĐ hiệu Samsung-tên thiết bị GHCSM-G313HZ và số tiền 700.000đ *(Bảy trăm ngàn đồng).*

Riêng đối với Nguyễn Trung M5, quá trình bắt giữ, M5 đã bỏ chạy, đến ngày 20/12/2017, M5 đến cơ quan CSĐT Công an huyện Y trình báo hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra đó xác định ngoài số tiền thu giữ trên chiếu bạc 4.990.000đ, các đối tượng cũng khai nhận sẽ dùng 4.800.000đ vào việc đánh bạc gồm có : Lê Văn H số tiền **700.000đ** *(Bảy trăm ngàn đồng*); Lê Văn L2 **4.100.000đ** *(Bốn triệu một trăm ngàn đồng)* và số tiền 65.000đ *(Sáu mươi lăm ngàn đồng)* của các đối tượng đánh bạc đưa cho T5, gọi là tiền điện, nước, thuốc lá, T5 đã tự giao nộp số tiền cho cơ quan CSĐT Công an huyện Y.

Như vậy tổng số tiền mà Lê Văn H, Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Lê Văn L2, Nguyễn Trung M5 dùng vào đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh liêng là **9.855.000đ *(Chín triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng)***.

Đối với Bùi Thị T5 đã đồng ý để cho 7 đối tượng mượn địa điểm là nhà ở của mình để chơi đánh bạc, được thua bằng tiền rồi thu số tiền 65.000đ *(Sáu mươi lăm ngàn đồng)* gọi là tiền điện, nước, thuốc lá…Hành vi của Bùi Thị T5 không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc, nhưng T5 phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về tội Đánh bạc.

Đối với tài sản đó thu giữ gồm: 01 ĐTDĐ Samsung J7 Prime số hiệu máy SM.G610F/DS của Vũ Văn D1 ; 01 xe máy BKS 18Y1-9085 nhãn hiệu JUPITER của Lê Văn L2 ; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 5 màu trắng, số IMEL 990002840188625 và 01 xe mô tô BKS 35N4-4630 nhãn hiệu WIN của Tô Văn T ; 01 ĐTDĐ hiệu Iphone 5s màu vàng, số IMEL 352027060273726 và 01 xe mô tô BKS 18D1-08710 nhãn hiệu Dream của Lữ Văn L ; 01 ĐTDĐ hiệu Samsung-tên thiết bị GHCSM-G313HZ và 01 xe mô tô BKS 35N3-0480 nhãn hiệu Dream của Lê Văn H ; 01 xe mô tô BKS 18D1-12137 nhãn hiệu VISION của Tô Văn M. Quá trình điều tra xác định số tài sản trên các đối tượng không dùng vào mục đích đánh bạc, cơ quan CSĐT Công an huyện Y đó trả lại cho các đối tượng là chủ sở hữu.

Số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng chẵn*) thu của Vũ Văn D1, không dùng vào mục đích đánh bạc, vì vậy cần trả cho D1.

Tại cơ quan điều tra : Lê Văn H, Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Lê Văn L2, Nguyễn Trung M5, Bùi Thị T5 đã khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 09/CT–VKS.YY ngày 09/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo Lê Văn H, Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Lê Văn L2, Nguyễn Trung M5, Bùi Thị T5 về tội " Đánh bạc" theo Khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như Bản cáo trạng đã truy tố, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y luận tội giữ nguyên Quyết định truy tố các bị cáo tại bản Cáo trạng số 09/CT-VKS.YY ngày 09/02/2018 và đề nghị HĐXX tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Lê Văn L2, Nguyễn Trung M5, Bùi Thị T5 phạm tội "Đánh bạc";

Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 31 BLHS năm 1999 để xử phạt Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Nguyễn Trung M5, Bùi Thị T5 mỗi bị cáo từ 9 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999 để xử phạt Lê Văn L2 từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Áp dụng Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 60 BLHS năm 1999 để xử phạt Lê Văn H từ 6 đến 9 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

Hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Các bị cáo đều có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt tiền và khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.Các bị cáo được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS xử lý vật chứng đã thu giữ;

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo;

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã được chứng minh bằng lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu giữ trong quá trình điều tra thấy có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 22^{h}00’ ngày 19/12/2017, tại gia đình bị cáo Bùi Thị T5 ở Đội B xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. T5 đã đồng ý cho các đối tượng Lê Văn H, Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Lê Văn L2, Nguyễn Trung M5 mượn địa điểm tại nhà ở của mình để thực hiện hành vi Đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi liêng được thua bằng tiền thì bị bắt quả tang. Tổng số tiền mà các bị cáo dùng để đánh bạc là **9.855.000^{đ}** *(Chín triệu tám trăm năm mươi lăm ngàn đồng)*.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng là khách thể được luật hình sự bảo vệ và là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm nguy hiểm khác. Các bị cáo có khả năng nhận thức được hành vi của mình, nhưng vì mục đích vụ lợi đã cố tình sát phạt tước đoạt tiền bạc của nhau. Như vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 248 BLHS như Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố là có căn cứ.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án, HĐXX thấy rằng:

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án. Bị cáo Bùi Thị T5 mặc dù không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng đã đồng ý cho các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nhằm thu lợi bất chính số tiền 65.000 đồng. Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của T5 không đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc hoặc Gá bạc nhưng phải chịu trách nhiệm hình sự đồng phạm về tội đánh bạc. Các bị cáo Lê Văn H, Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Lê Văn L2, Nguyễn Trung M5 là những người trực tiếp tham gia đánh bạc.

[4]Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, HĐXX thấy:

Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cụ thể đối với các bị cáo, HĐXX xét thấy: Các bị cáo Lê Văn H, Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Nguyễn Trung M5, Bùi Thị T5 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng và số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc của mỗi bị cáo là tương đối ít so với tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc, HĐXX xét thấy cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo là phù hợp.

Riêng bị cáo Lê Văn L2 có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nhưng bị cáo L2 đã sử dụng số tiền lớn (4.300.000 đồng) so với tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc nên HĐXX sẽ áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo L2 nhưng cho cải tạo tại địa phương là phù hợp.

[6]Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: HĐXX xét thấy các bị cáo đều có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không cần thiết áp dụng hình phạt tiền và khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[7]Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS cần tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 9.855.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc; trả lại cho Vũ Văn D1 số tiền 2.000.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây bài bằng giấy đã qua sử dụng, 01 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y ngày 27/02/2018).

[8]Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2916 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9]Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 của BLTTHS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 248; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46; Điều 31; Điều 60 BLHS năm 1999; Điều 47 BLHS năm 2015; Điều 106, 331, 332, 333 BLTTHS.

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H, Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Lê Văn L2, Nguyễn Trung M5, Bùi Thị T5 phạm tội " Đánh bạc".

Xử phạt các bị cáo Lê Văn H, Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Nguyễn Trung M5, Bùi Thị T5 mỗi bị cáo 9 tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án, được trừ đi số ngày các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam, 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. (Bị cáo Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/12/2017 đến ngày 25/12/2017; bị cáo Lê Văn H được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 20/12/2017 đến ngày 23/01/2018; bị cáo Vũ Văn D1 được trừ thời gian tạm giữ ngày 20/12/2017)

Giao Lê Văn H, Vũ Văn D1, Tô Văn T, Tô Văn M, Lữ Văn L, Nguyễn Trung M5, Bùi Thị T5 cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp người cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Xử phạt Lê Văn L2 6 háng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là .12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Bị cáo Luân bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/12/2017 đến ngày 23/01/2018).

Trong thời gian thử thách, giao Lê Văn L2 cho UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay

đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 9.855.000 đồng các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc; trả lại cho Vũ Văn D1 số tiền 2.000.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây bài bằng giấy đã qua sử dụng, 01 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng(Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện Y và Chi cục thi hành án dân sự huyện Y ngày 27/02/2018).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 1 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 2 bản;
- Công an huyện: 2 bản;
- Chi cục THADS huyện: 1 bản;
- UBND xã Y: 1 bản;
- Người bị hại: 01 bản;
- Các bị cáo: Mỗi bị cáo 1 bản;
- Hồ sơ vụ án: 2 bản;
- Để THA hình sự.
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Hiển